

# DẠY NGHỀ CHO PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở CÁC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN KHU VỰC TÂY NAM BỘ ĐÁP ỨNG NHU CẦU BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

**NGÔ QUANG SƠN**

Học viện Dân tộc - Ủy ban Dân tộc  
Email: ngoquangson@cema.gov.vn

**Tóm tắt:** Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long vẫn còn là vùng lõm về giáo dục, trình độ dân trí của đồng bào dân tộc còn thấp, đặc biệt là trình độ dân trí của phụ nữ dân tộc thiểu số. Cũng do những hủ tục để lại mà phần lớn phụ nữ dân tộc thiểu số ít được đi học, quỹ thời gian tham gia học tập quá ngắn, ít có cơ hội tham gia các chương trình đào tạo nghề nông thôn, số đông lao động thiếu việc làm, do thiếu tay nghề hoặc tay nghề còn yếu, đây là nguyên nhân cơ bản kìm hãm sự phát triển kinh tế hộ gia đình, cũng là một thách thức lớn trong việc đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là phụ nữ dân tộc thiểu số của các xã đặc biệt khó khăn vùng Đồng bằng Sông Cửu Long. Bài viết đưa ra một số biện pháp quản lý hoạt động đào tạo nghề cho lao động nữ dân tộc thiểu số vùng Tây Nam Bộ nhằm giảm thiểu những khó khăn trong cuộc sống của phụ nữ dân tộc thiểu số nơi đây.

**Từ khóa:** Dạy nghề; phụ nữ dân tộc thiểu số; đặc biệt khó khăn; Tây Nam Bộ; bình đẳng giới.

(Nhận bài ngày 16/6/2017; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 10/7/2017; Duyệt đăng ngày 25/10/2017).

## 1. Đặt vấn đề

Cho đến nay, Tây Nam Bộ vẫn là khu vực có tỉ lệ lao động người dân tộc thiểu số (DTTS) thiếu việc làm cao nhất trong cả nước. Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) vẫn còn là vùng lõm về giáo dục, trình độ dân trí của đồng bào dân tộc còn thấp, đặc biệt là trình độ dân trí của phụ nữ (PN) DTTS. Cũng do những hủ tục để lại nên phần lớn PN DTTS ít được đi học, quỹ thời gian tham gia học tập quá ngắn, ít có cơ hội tham gia các chương trình đào tạo nghề nông thôn, số đông lao động thiếu việc làm, do thiếu tay nghề hoặc tay nghề còn yếu, đây là nguyên nhân cơ bản kìm hãm sự phát triển kinh tế hộ gia đình, cũng là một thách thức lớn trong việc đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho đồng bào DTTS, đặc biệt là PN DTTS của các xã đặc biệt khó khăn (ĐBK) vùng ĐBSCL. *Bài viết là sản phẩm khoa học của Đề tài nghiên cứu cơ bản trong khoa học xã hội và nhân văn của Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia: "Nghiên cứu mô hình đào tạo nghề cho PN DTTS các xã đặc biệt khó khăn khu vực Tây Nam Bộ", mã số VI2.1-2013.*

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức về công tác dạy nghề cho phụ nữ dân tộc thiểu số (Phân tích SWOT)

#### 2.1.1. Điểm mạnh (S)

- Công tác dạy nghề cho PN DTTS ở các xã ĐBK có sức lan tỏa lớn được sự tham gia tích cực của các cấp, các ngành, chính quyền từ trung ương đến địa phương. đã phân cấp thực hiện cụ thể từ cấp trung ương đến cấp xã, cấp nào có ban chỉ đạo thực hiện của cấp đó, chính vì vậy ngay sau khi chủ trương ra đời đã được triển khai rộng rãi trong cả nước.

- Tận dụng mọi nguồn lực tham gia dạy nghề: Ngoài các cơ sở dạy nghề, cơ sở giáo dục tham gia dạy nghề thì

các doanh nghiệp, sở sản xuất, trang trại, hợp tác xã... có đủ điều kiện được tham gia dạy nghề cho PN DTTS ở các xã ĐBK bằng nguồn kinh phí quy định.

- Cơ chế, chính sách dạy nghề cho PN DTTS được đãi ngộ rất cao, người lao động tham gia học nghề hoàn toàn miễn phí, các đối tượng đặc biệt còn được hỗ trợ tiền ăn, đi lại trong quá trình học tập; được giới thiệu việc làm sau đào tạo hoặc được vay vốn làm ăn.

- Phù hợp với xu hướng thời đại: Trong những năm qua, nền công nghiệp của nước ta phát triển không ngừng, các công ty, doanh nghiệp mới liên tục được hình thành, các công ty, doanh nghiệp này luôn trong tình trạng thiếu lao động đặc biệt là lao động đã qua đào tạo. Tỉ lệ lao động qua đào tạo còn thấp, chất lượng nguồn nhân lực chưa theo kịp với sự phát triển khoa học công nghệ.

#### 2.1.2. Điểm yếu (W)

- Việc phân chia các giai đoạn không hợp lý: Trong mỗi giai đoạn cùng triển khai tất cả các hoạt động mà không đặt trọng tâm theo từng hoạt động; có thể nói việc triển khai thiếu sự logic, hợp lý giữa các hoạt động nên hiệu quả thực hiện những năm đầu là không cao.

- Việc phân bổ kinh phí đào tạo quá chậm trễ: Sau khi Thủ tướng Chính phủ có Quyết định giao dự toán ngân sách thì Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội mới có văn bản hướng dẫn các chỉ tiêu, nhiệm vụ cho công tác dạy nghề; Bộ Tài chính mới có hướng dẫn về việc dự toán, sử dụng kinh phí.

- Chính sách không dạy nghề nếu không gắn với việc làm thực hiện không triệt để: Nhiều lao động được giới thiệu việc làm sau khi học nghề nhưng do tay nghề chưa đảm bảo, hoặc lương thấp, hoặc đơn vị tiếp nhận lao động không còn nhu cầu... người lao động lại thất nghiệp.

- Các chính sách chưa ổn định: Trong quá trình thực hiện thường xuyên phải điều chỉnh các chính sách, khiến



việc thực hiện luôn mới.

### 2.1.3. Cơ hội (O)

- Sự chuyển đổi cơ cấu lao động: Dạy nghề cho PN DTTS góp phần chuyển đổi cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp dịch vụ; thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

- Tạo việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững: Dạy nghề cho PN DTTS được triển khai thực hiện tạo cơ hội cho người lao động học nghề tạo việc làm có mức thu nhập ổn định, giảm thiểu tình trạng thất nghiệp từ đó góp phần vào công tác giảm nghèo bền vững.

- Nền công nghiệp phát triển, không lo việc thiếu nguồn nhân lực qua đào tạo: Nguồn nhân công của nước ta là rất lớn nhưng tỉ lệ lao động qua đào tạo nghề mới chỉ đạt 32%, trong khi đó nền công nghiệp của nước ta đang phát triển không ngừng, sự tiến bộ của khoa học công nghệ đòi hỏi nguồn nhân lực qua đào tạo, đặc biệt là đào tạo ngày càng cấp thiết.

### 2.1.4. Thách thức (T)

- Nhận thức của xã hội về học nghề: Các cấp, các ngành chưa thật sự nhận thức đúng vai trò của việc dạy nghề nên chưa thực sự tâm huyết cho sự nghiệp dạy nghề. Người dân chưa coi trọng việc học nghề, coi học nghề là giải pháp cuối cùng khi không đủ điều kiện học chuyên nghiệp, tâm lí người dân lao động vẫn trọng thầy, khinh thợ vì vậy công tác dạy nghề của nước ta chưa thật sự phát triển do chiều sâu.

- Quy mô của đào tạo nghề cho PN DTTS: Việc triển khai đồng thời trên toàn quốc chắc chắn gặp nhiều khó khăn do điều kiện kinh tế - xã hội, văn hóa, cách làm của mỗi địa phương là khác nhau nên không thể có một hướng đi chung cho tất cả các địa phương. Các địa phương sẽ phải vừa triển khai vừa rút kinh nghiệm và điều chỉnh dần dần chứ không có bài học kinh nghiệm nào trước đó.

- Đối tượng học nghề phức tạp: Đối tượng là PN DTTS trong độ tuổi lao động rất rộng và phức tạp về lứa tuổi, nhận thức, học vấn... Vì vậy, việc tổ chức, quản lí lớp học dạy nghề cho PN DTTS sẽ gặp không ít khó khăn, đòi hỏi cơ sở đào tạo, giáo viên dạy nghề phải có kinh nghiệm, nghiệp vụ phù hợp thì công tác dạy nghề cho PN DTTS mới đạt hiệu quả như mong muốn.

- Kinh phí thực hiện: Việc quản lí, sử dụng nguồn kinh phí trên đảm bảo đúng mục đích, đúng quy định Nhà nước và đạt hiệu quả đòi hỏi cần có cơ chế tài chính cụ thể.

## 2.2. Một số biện pháp quản lí hoạt động dạy nghề cho phụ nữ dân tộc thiểu số ở các xã đặc biệt khó khăn vùng Tây Nam Bộ đến năm 2020

### 2.2.1. Biện pháp 1: Hoàn thiện đồng bộ cơ chế chính sách thúc đẩy phát triển

Xây dựng, hoàn thiện khung chính sách tài chính để tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho phát triển dạy nghề. Cải tiến cơ chế phân bổ và nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước cho phát triển dạy nghề. Tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích và có cơ chế mạnh để thu hút doanh nghiệp tăng cường đầu tư kinh phí cho việc xây dựng. Tiếp tục hoàn thiện thể chế dạy nghề, nhất là cơ chế tài chính đảm bảo lợi ích đối với người dạy nghề, người học nghề, người

lao động qua đào tạo nghề (tiền lương, vinh danh v.v...), chính sách đối với doanh nghiệp tham gia dạy nghề, v.v. Cần xây dựng các chính sách hỗ trợ riêng của tỉnh cho các giáo viên dạy nghề được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, nhất là đào tạo trình độ cao (sau đại học). Thực hiện chính sách ưu đãi đặc biệt nhằm thu hút nghề nhân, thợ bậc cao, học sinh, sinh viên tốt nghiệp loại giỏi tham gia công tác đào tạo nghề (phương án đề xuất: Ngoài những chế độ thu hút nhân lực đang được áp dụng của tỉnh hiện nay, cần hỗ trợ thêm bằng 50% mức lương theo quy định của Nhà nước).

Ngoài các chính sách của Đề án dạy nghề cho PN DTTS như: Chính sách đối với người học; Chính sách đối với giáo viên, giảng viên; Chính sách đối với cơ sở đào tạo nghề cho PN DTTS được thể hiện bằng các quy định cụ thể của Nhà nước, cần bổ sung thêm một số chính sách cho phù hợp để quản lí hoạt động dạy nghề cho PN DTTS vùng Tây Nam Bộ đến năm 2020 được tốt hơn (*Chính sách đối với người học; Chính sách đối với người dạy nghề, cán bộ quản lí và cơ sở dạy nghề; Chính sách thu hút lao động nông thôn sau đào tạo*).

### 2.2.2. Biện pháp 2: Khảo sát và nắm vững nhu cầu, xây dựng kế hoạch đào tạo phù hợp

Dạy nghề cho PN DTTS vừa có ý nghĩa kinh tế, vừa có ý nghĩa xã hội và nhân văn sâu sắc. Chính vì vậy phải tổ chức dạy nghề thiết thực với bà con nông dân, vừa đạt được hiệu quả kinh tế - xã hội. Do đặc thù của PN DTTS, việc dạy nghề cho PN DTTS cần phải có cách thức tổ chức phù hợp với từng nhóm đối tượng. Để xây dựng được các mô hình dạy nghề phù hợp, theo chúng tôi phải triển khai những hoạt động như:

- *Trước hết*, cần phải triển khai các hoạt động điều tra, khảo sát nhu cầu sử dụng nhân lực qua lao động đào tạo nghề trong các ngành kinh tế, vùng kinh tế và từng địa phương. Việc “nắm” nhu cầu phải đi trước một bước và phải triển khai với quy mô và mức độ khác nhau, để kịp thời bổ sung những thông tin nhu cầu về những nghề mới với quy mô và trình độ phù hợp.

- *Thứ hai*, đồng thời với nắm bắt thông tin về nhu cầu sử dụng lao động, cần thiết phải khảo sát nhu cầu học nghề của đối tượng, nghĩa là cần có sự phân nhóm đối tượng để tổ chức các khoá đào tạo cho phù hợp. Do đặc thù của sản xuất ở nông thôn là có thể sử dụng lao động từ rất trẻ cho đến sau độ tuổi lao động (theo quy định của pháp luật lao động). Hơn nữa, cũng phải khảo sát đặc điểm và thói quen canh tác của người nông dân ở các vùng miền khác nhau để có thể có hình thức đào tạo phù hợp.

- *Thứ ba*, đối với nhóm đối tượng nông dân đào tạo để có thể làm nông nghiệp hiện đại, do đặc thù của sản xuất nông nghiệp, người nông dân làm việc theo mùa vụ nên các khoá đào tạo cần gắn với việc vừa học vừa làm và lựa chọn thời gian nông nhàn của người dân để tổ chức khoá học cho phù hợp. Mặt khác, do tính đa dạng của vật nuôi, cây trồng nông nghiệp, các khoá học luôn gắn với thời kì tăng trưởng của vật nuôi, cây trồng.

- *Thứ tư*, mục tiêu dạy nghề cho PN DTTS là cho họ có một nghề có thể tự tạo việc làm trong nông nghiệp (tăng năng suất lao động) hoặc tìm được việc làm phi nông nghiệp (ở nông thôn hoặc ngoài nông thôn). Nói

cách khác, dạy nghề cho PN DTTS phải phải gắn với giải quyết việc làm cho người lao động. Theo chúng tôi, đây là vấn đề cốt lõi đối với dạy nghề cho PN DTTS, nhất là đối với lao động cần chuyển sang làm trong lĩnh vực phi nông nghiệp, công nghiệp.

- Thứ năm, dạy nghề cho PN DTTS có thể được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như dạy tại các cơ sở dạy nghề, dạy nghề theo đơn đặt hàng của tập đoàn, tổng công ty, dạy nghề lưu động (tại xã, thôn, bản); dạy nghề tại doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, dạy nghề gắn với vùng chuyên canh, làng nghề;... Phương thức đào tạo cũng cần phải đa dạng hoá, phù hợp với từng nhóm đối tượng và điều kiện của từng vùng, miền,... như đào tạo tập trung tại cơ sở dạy nghề đối với những nông dân chuyển đổi nghề nghiệp (trung tâm dạy nghề, trường trung cấp, cao đẳng nghề, các trường khác có tham gia dạy nghề,...). Việc dự báo phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu lao động phải thật chính xác, từ đó đề ra phương án xây dựng các ngành học chương trình phù hợp với thực tế, yêu cầu của thị trường.

#### 2.2.3. Biện pháp 3: Tăng cường công tác truyền thông và hoạt động giáo dục nhận thức

Nhận thức đóng vai trò hết sức quan trọng trong mọi hoạt động thực tiễn của mỗi con người. Thực tế công tác dạy nghề đã chứng minh rằng, một trong những nguyên nhân thành công hoặc chưa thành công trong việc tổ chức thực hiện công tác đào tạo nghề chính là vấn đề nhận thức. Phải làm cho người dân hiểu đúng bản chất của công tác đào tạo nghề, sự cần thiết phải tham gia vào công tác này, từ đó nâng dần tính tự giác, tích cực, chủ động tham gia. Chính vì vậy, phải nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và xã hội về dạy nghề; phải nhận thức đúng vị trí, vai trò của dạy nghề trong giải quyết việc làm, trong đảm bảo cơ cấu nguồn nhân lực, về yếu tố có tính quyết định để phát triển kinh tế xã hội bền vững; nhận thức đúng thang giá trị về dạy nghề để thay đổi hành vi, thu hút phần lớn thanh niên vào học nghề. Nâng cao nhận thức của doanh nhân về lợi ích của dạy nghề đối với sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, từ đó chủ động tham gia, đóng góp chính và tích cực vào dạy nghề.

#### 2.2.4. Biện pháp 4: Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo, nâng cao năng lực các cơ sở đào tạo

Trên cơ sở chương trình khung do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định cho từng nghề, các cơ sở đào tạo triển khai cụ thể chương trình đào tạo cho từng nghề. Các mô đun đưa vào chương trình đào tạo của mỗi ngành nghề cần phải đảm bảo tính thực tiễn, đảm bảo tính cân đối về thời lượng học lý thuyết và thực hành nghề nghiệp của mô đun đó. Các cơ sở đào tạo nghề cần tổ chức các đoàn cán bộ, giáo viên đi khảo sát thực tế tại cơ quan, đơn vị thuộc mọi thành phần kinh tế, từ đó xây dựng chương trình đào tạo chi tiết đồng thời có xem xét đến trọng số của từng mô đun, trong từng nghề đào tạo để từ đó có sự điều chỉnh môn học cho phù hợp.

Đối với từng môn học, đặc biệt trong đào tạo nghề, một số môn học do tính chất đặc thù, chương trình môn học được chia nhỏ ra các chương trình mô đun kết hợp

chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành theo từng phần của môn học. Chương trình này có ưu điểm:

- Bảo đảm cho người học tiếp thu trọn vẹn từng phần cả lý thuyết lẫn thực hành.

- Kiến thức và các kĩ năng được phát triển bổ trợ tốt lẫn nhau trong từng phần chương trình, đảm bảo tiết kiệm thời gian.

- Có những mô đun phải được giảng dạy tại các doanh nghiệp công nghiệp làm cho môi trường đào tạo thông thoáng hơn, rút ngắn được khoảng cách giữa nhà trường và xã hội, giữa lý luận với thực tế nên chất lượng đào tạo được nâng lên.

Chương trình tích hợp môn học và mô đun: Mỗi hệ, mỗi chuyên ngành đào tạo phần kiến thức chuyên ngành có một số học phần của môn học gồm cả lý thuyết và thực hành được thực hiện ở hai chương trình khác nhau nên có những phần trùng lặp chiếm dụng thời gian, vì vậy cần tiến hành tích hợp hai thành phần lý thuyết và thực hành nhằm mục đích giúp người học dễ tiếp thu và vận dụng ngay được vào thực tế, đồng thời rút ngắn được thời lượng nhưng vẫn đảm bảo tốt chất lượng đào tạo và tiến độ giảng dạy.

#### 2.2.5 Biện pháp 5: Xã hội hóa công tác dạy nghề, gắn dạy nghề với việc làm, xuất khẩu lao động, giảm nghèo

Công tác xã hội hoá dạy nghề có bước phát triển, nhiều doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức, đã thành lập cơ sở dạy nghề. Hoàn thiện mạng lưới dạy nghề trên địa bàn tỉnh, mạng lưới dạy nghề trên địa bàn tỉnh được mở rộng, quy mô từng cơ sở cũng phát triển lớn hơn. Các cơ sở dạy nghề và tham gia dạy nghề đã thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về dạy nghề, đồng thời tích cực gắn dạy nghề với giới thiệu việc làm, tạo việc làm mới, hỗ trợ xuất khẩu lao động và thị trường lao động, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các công ty liên doanh, các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực dạy nghề, nhất là quá trình chuyển giao công nghệ, cải thiện các yếu tố về mặt pháp lý,... Điều này cho phép tận dụng được các ưu thế công nghệ, kinh nghiệm đào tạo nhân lực có chất lượng cao của các đối tác nước ngoài, đó là một trong những con đường ngắn nhất giúp người lao động Việt Nam tiếp cận với kĩ thuật hiện đại. Nhà nước nên cho phép (tốt nhất là thông qua một luật cụ thể) các cơ sở đào tạo nghề trong chương trình xã hội hóa được quyền thu phí đào tạo đối với những nơi sử dụng lao động của họ, vì xét cho cùng họ là người cung cấp các "sản phẩm" trên thị trường nên có quyền được thanh toán các khoản chi phí đầu tư tương ứng.

#### 2.2.6. Biện pháp 6: Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện

Để công tác kiểm tra giám sát được khách quan, hiệu quả thì chính quyền địa phương các cấp phải nghiêm yết về chỉ tiêu, công khai hoá các quy định, chế độ, chương trình đào tạo, chính sách có liên quan,... ở tất cả các địa phương trên phương diện thông tin đại chúng. Cán bộ làm công tác dạy nghề phải được thường xuyên tập huấn theo chuyên môn phụ trách, phải thông hiểu Luật Dạy nghề, mọi quy định, quy chế liên quan đến Luật Dạy nghề. Nội dung kiểm tra, kiểm soát phải đi vào kiểm tra nội dung



đào tạo, chương trình đào tạo, chất lượng đào tạo, đăng kí đầu vào, thời gian đào tạo, quy chế thi cử, tiêu chuẩn cấp văn bằng, chứng chỉ, các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học... Đối với các trường hợp vi phạm phải xử lý nghiêm túc nhằm duy trì nề nếp, kỉ cương.

Tăng cường sự tham gia của người dân trong giám sát, đánh giá chính sách dạy nghề cho PN DTTS. Quan điểm về sự tham gia của người học, người dân phải được thực hiện một cách triệt để trong tất cả các khâu của quá trình ra chính sách, quá trình dạy nghề như: Xây dựng mục tiêu và nội dung đào tạo trên cơ sở đánh giá nhu cầu của người học, thực hiện quá trình đào tạo với sự tham gia tích cực, chủ động của người học trong việc xây dựng nội dung, phương pháp, hình thức và thời gian đào tạo. Tham gia giám sát, đánh giá hiệu quả và kết quả học tập trên lớp, trên thực tế và tác động của các chương trình phát triển kinh tế xã hội để xây dựng kế hoạch đào tạo tiếp theo. Do vậy, dạy nghề cho PN DTTS phải đảm bảo lợi ích cho dân, việc tham gia của người dân có thể đảm bảo cho họ kiểm soát được các cách nâng cao hiệu quả đào tạo nghề, tăng khả năng tự lựa chọn các chính sách phù hợp của cộng đồng và tổ chức nhằm đạt được mục tiêu theo nhu cầu và ưu tiên của bản thân chính họ.

### 3. Kết luận

Qua thực hiện đề tài “Nghiên cứu mô hình đào tạo nghề cho PN DTTS các xã đặc biệt khó khăn khu vực Tây Nam Bộ”, chúng tôi nhận thấy rõ những vấn đề cơ bản sau đây:

(1) Khu vực Tây Nam Bộ vẫn là vùng trũng về giáo dục. Hiện tượng tái nghèo, thiếu đất sản xuất, thiếu việc làm ổn định, sự bất bình đẳng trong phân công lao động gia đình, xã hội cùng những vấn đề bức xúc về an sinh xã hội, lao động, việc làm vẫn còn xảy ra... Để giải quyết vấn đề lao động, việc làm cho cả khu vực, hiện nay việc đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho đối tượng là PN người DTTS trong vùng, tuy đã được quan tâm đến nhưng chưa thật sự hiệu quả và PN DTTS vẫn còn phải gánh chịu nhiều thiệt thòi, nhất là sự bất bình đẳng trong cuộc sống cũng như trong cơ hội tiếp cận với các dịch vụ văn hóa, xã hội, giáo dục.

(2) Việc Nghiên cứu mô hình đào tạo nghề cho PN

DTTS ở các xã đặc biệt khó khăn khu vực Tây Nam Bộ được thực hiện trên cơ sở khoa học của vấn đề đào tạo nghề; xuất phát từ lí luận về giới, bình đẳng giới, về vai trò của người PN Tây Nam Bộ trong gia đình và ngoài xã hội cũng như thực trạng của công tác đào tạo nghề, mô hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn, lao động PN DTTS.

(3) Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giải quyết việc làm và dạy nghề qua các giai đoạn, công tác đào tạo nghề, xây dựng mô hình đào tạo nghề cho lao động DTTS khu vực Tây Nam Bộ và PN DTTS các xã ĐBK khu vực Tây Nam Bộ đã thu được những kết quả rất khả quan. Số lao động được đào tạo nghề và có việc làm sau học nghề tăng nhiều qua các năm. PN DTTS có điều kiện được học nghề phù hợp, phần nhiều đã tìm được việc làm và có thu nhập. Nhưng trên thực tế, PN DTTS các xã ĐBK vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận hướng nghiệp, trong lựa chọn nghề đào tạo và sự hưởng lợi từ mô hình đào tạo nghề phù hợp.

(4) Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích kết quả thực hiện công tác dạy nghề; thực tiễn thực hiện các mô hình đào tạo nghề, chuyển đổi nghề cho PN DTTS các xã ĐBK, đề tài đã đề xuất quan điểm, định hướng về xây dựng mô hình đào tạo nghề; đưa ra các căn cứ để xây dựng mô hình như tính nhu cầu, tính dân tộc, tính địa phương, tính giới tính.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nghị quyết 26/NQ-TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn với mục tiêu đến năm 2020 ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X.
- [2]. Quyết định số 630/QĐ-TTg ngày 29/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược dạy nghề thời kì 2011-2020.
- [3]. Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về việc phê duyệt đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”.
- [4]. Nguyễn Đức Trí, Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn và công nhận kĩ năng nghề, Tạp chí Quản lí Giáo dục, số 10, tháng 3, năm 2010.

## JOB TRAINING FOR ETHNIC WOMEN IN EXTREMELY DIFFICULT COMMUNES IN THE SOUTH WEST REGION TO MEET THE NEED OF GENDER EQUALITY IN THE CURRENT PERIOD

NGO QUANG SON

Vietnam Academy for Ethnic Minorities - Committee for Ethnic Minority Affair

Email: ngoquangson@cema.gov.vn

**Abstract:** The Mekong Delta area is still an educational depression with low level of ethnic minorities, especially for ethnic women. Due to backward customs, they had less access to education, short learning time, less chance to participate in rural vocational training programs, lack jobs because of weak job skills. This is main reason for decreasing family economy, a big challenge in job training, job creation, especially for ethnic women in extremely difficult communes in the Mekong Delta area. The article provides measures to manage job training for ethnic women in the South West region in order to reduce the difficulties in lives of ethnic women.

**Keywords:** Job training; ethnic women; extremely difficulty; the South West region; gender equality.